

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DSST

Ngày: 25/3/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thanh Tiến.

2. Ông Thạch Tân Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-DS, ngày 04 tháng 03 năm 2025; giữa:

- Nguyên đơn: Công Ty TNHH MTV SS.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Ánh S, sinh năm 1963; Chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Trần Công M, sinh năm: 1971.

+ Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ, xã TT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S có mặt; ông M, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/4/2018, Công ty TNHH MTV SS (viết tắt là công ty SS) và bà H và có thỏa thuận, bà H mua vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng, sắt, gạch ống, tole) của công ty để xây nhà. Hai bên thống nhất đến ngày 11/02/2019, Công Ty SS bắt đầu giao vật liệu xây dựng cho ông M và bà H. Hình thức thanh toán là trả tiền khi nhận hàng. Cùng ngày 01/4/2018, ông M và bà H có trả trước 15.000.000 đồng. Ông M và bà H đã mua vật liệu xây dựng từ ngày 11/02/2019 đến ngày 19/6/2019 với tổng số tiền là 123.879.000 đồng. Việc mua bán có lập hóa đơn bán lẻ, ông M và bà H ký tên. Trong thời gian mua hàng của công ty SS, bà H có trả 20.000.000 đồng vào ngày 30/4/2019 theo “HÓA ĐƠN BÁN LẺ” ghi ngày 30/4/2019 thì ngưng đến ngày 01/10/2020, bà H trả thêm 20.000.000 đồng theo “HÓA ĐƠN BÁN LẺ” ghi ngày 01/10/2020 nên còn nợ số tiền là 68.879.000 đồng.

Nay Công ty SS yêu cầu ông M, bà H cùng có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 68.879.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả tiền với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/3/2025 là 67 tháng, thành tiền lãi là 38.303.611 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 107.182.611 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa,... nhưng ông M, bà H vắng mặt không có lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Công ty TNHH MTV SS khởi kiện, yêu cầu ông Trần Công M và bà Lê Thị Thu H trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bị đơn: Ông Trần Công M và bà Lê Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung khởi kiện

Tại phiên tòa, chị Hân yêu cầu ông M và bà H trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ 68.879.000 đồng. Xét thấy, tại các “HÓA ĐƠN BÁN LẺ” từ ngày 11/02/2019 đến ngày 19/6/2019 do bà S cung cấp, có chữ ký tên của ông M tại vị trí người mua. Mặt khác, ông M là người trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý vụ án số 359/TB-TLVA, ngày 25/10/2024 (ông M nhận thay ông báo thụ lý vụ án cho bà H), nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của công ty SS. Do đó, có cơ sở xác định ông M và bà H còn nợ công ty SS tiền mua vật liệu xây dựng là 68.879.000 đồng.

Ông M và bà H trực tiếp nhận các thông báo thụ lý vụ số 395, ngày 25/10/2024 về việc Tòa án huyện Tân Phú Đông thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà S nhưng ông M và bà H không làm văn bản trình bày ý kiến cũng không dẫn Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Do đó có cơ sở xác định, ông M và bà H có nợ tiền mua vật liệu xây dựng của công ty và còn nợ số tiền 68.879.000 đồng. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty. Buộc ông M và bà H có nghĩa vụ trả tiền cho công ty.

[2] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả tiền

Theo trình bày của đại diện công ty SS. Hai bên thỏa thuận thời gian thanh toán tiền khi nhận hàng. Mặt khác, trong nội dung trong tờ “HÓA ĐƠN BÁN LẺ” ghi ngày 01/10/2020 (bl: 50), có ghi: ... ngày 01/10/2020 bà H có trả 20.000.000 đồng... Như vậy, ngày ông M và bà H trả tiền sau cùng là ngày 01/10/2020. Chị Hân yêu cầu ông M và bà H trả tiền lãi do chậm trả tiền từ ngày 01/10/2020, là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Mức lãi suất chị Hân yêu cầu là 0,83%/ tháng (10%/năm), phù hợp theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị Hân yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/3/2025 (lấy tròn tháng) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc M và bà H có nghĩa vụ trả cho công ty tiền SS lãi của số tiền 68.879.000 đồng là 38.303.611 đồng.

[3] Về thời gian trả

Bà S yêu cầu ông M và bà H trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ và tiền lãi chậm trả là 107.182.611 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, chị Hân trình bày khi mua bán, hai bên thỏa thuận thời gian trả tiền khi nhận hàng hoặc dừng việc mua vật liệu xây dựng. Từ ngày ông M và bà H dừng mua vật liệu xây dựng của công ty SS đến nay đã rất lâu (19/6/2019) nhưng ông M và bà H chưa trả xong tiền là làm thiệt thòi cho quyền lợi của công ty SS. Do đó, buộc ông M và bà H có nghĩa vụ trả cho công ty SS số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 107.182.611 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí

- Ông M và bà H có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty SS nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho công ty SS theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 2 Điều 357, Điều 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5 và khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV SS.

- Buộc ông Trần Công M và bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV SS số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 107.182.611 đồng (*một trăm lẻ bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm mười một*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Trần Công M và bà Lê Thị Thu H không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Trần Công M và bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ nộp 5.359.130 (*năm triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm ba mươi*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Công ty TNHH MTV SS không nộp tiền áp phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Công ty TNHH MTV SS số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.605.000 (*hai triệu sáu trăm lẻ năm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0001901 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án do Tòa án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI